

Bản án số: 14/2019/HS-ST

Ngày: 31-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Năm.

Thẩm phán tham gia: Bà Trần Thị Bé.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Bá Lân.

Ông Trần Văn Thường.

Ông Nguyễn Xuân Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở UBND nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi xét xử C1 khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên:* Trương Văn C; sinh ngày 10/7/1965, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương N (đã chết) và bà Vương Thị Đ; có vợ Nguyễn Thị Kim L và 01 con sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. *Họ và tên:* Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác: Nguyễn Thị L); sinh ngày 07/7/1967, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T (đã chết) và bà Đặng Thị K; có chồng Trương Văn C và 01 con sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 14/7/1999, bị Đoàn Biên phòng 284 ra Quyết định xử phạt hành chính về việc vi phạm kinh doanh các loại phế liệu có lẫn vật liệu nổ số lượng nhỏ; Ngày 10/01/2003 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi kết án 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán, vận C trái phép vật liệu nổ”, đã chấp hành án xong; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Trương Văn C:* Ông Nguyễn C1 Tuấn, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn C1 Tuấn, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định phân C1 số 17/ĐLS ngày 11/6/2019 của Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vương Thị Đ, sinh năm 1944.

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Trương Thị Thanh N, sinh năm 1997.

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1980.

Trú tại: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Phùng Thanh T1, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08h00 ngày 25/4/2019, tổ C1 tác của Đoàn biên phòng B, Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ngãi đang làm nhiệm vụ tại thôn P, xã B, huyện B phát hiện bắt quả tang ông Trương Văn C (sinh ngày: 10/7/1965, Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) đang điều khiển xe mô tô hiệu NOZA GRANDE, biển kiểm soát xxCx-xxxxx vận C trái phép 50kg thuốc nổ. Cùng ngày, Đoàn Biên phòng B đã ra Lệnh Khám xét khẩn cấp chỗ ở của bà Vương Thị Đ tại Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (bà Đ là mẹ ruột của Trương Văn C). Khi lực lượng khám xét đến chỗ ở của bà Đ thì phát hiện và bắt quả tang bà Nguyễn Thị Kim L (sinh ngày: 07/7/1967, Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, (là vợ của Trương Văn C) đang vận C trái phép 25kg thuốc nổ từ nhà bà Đ để đem đi cất giấu. Qua khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của bà Vương Thị Đ phát hiện thu giữ 552,5 kg thuốc nổ, 1150 kíp nổ và 100,5m dây cháy chậm.

Theo bị cáo Trương Văn C khai và căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập được xác định: Vào khoảng cuối năm 2018, Trương Văn C đi xe buýt từ xã B, huyện B lên thành phố Quảng Ngãi, khi lên xe C ngồi gần 01 người đàn ông, qua nói chuyện được biết ông ta có tên là “C1” khoảng 55 tuổi quê ở huyện Q, tỉnh Q. Trong lúc ngồi trên xe buýt, C1 hỏi C mới đi biển vào phải không thì C trả lời “Đúng rồi”. Sau đó, C1 hỏi C “*Đi biển có lấy thuốc nổ không*”, C trả lời “*Để từ từ, coi có ai mua thì tôi lấy*”, lúc đó C1 xin số điện thoại của C để L lạc. Sau lần gặp nhau trên xe buýt, C1 có L lạc với C vài lần để hỏi xem C có mua thuốc nổ hay không thì C từ chối vì thời gian này C còn bị đau chân do bị tai nạn giao thông. Đến khoảng đầu tháng 4/2019, C1 tiếp tục gọi điện thoại hỏi C có

mua thuốc nổ hay không, lúc này C đồng ý mua và hai bên thống nhất giá 106.000đ/kg. Trong thời gian qua C đã mua vật liệu nổ của C1 07 lần tổng cộng 627,5kg thuốc nổ, 1150 kíp nổ và 100,5m dây cháy chậm, cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất:** Vào khoảng 11 giờ một ngày đầu tháng 4/2019 (không nhớ ngày), người đàn ông tên C1 gọi vào số điện thoại YYYYYYYYYY của C hỏi có mua thuốc nổ hay không (C không nhớ số điện thoại của C1), C đồng ý mua với giá 106.000đ/kg, C1 nói lần này sẽ bán cho C 100kg và hẹn khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày gặp nhau tại khu vực D thuộc huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (đoạn đường ngang vắng người để đón C1 và nhận thuốc nổ). Tối hôm đó, C đi xe Dream có biển kiểm soát xxBx - xxx.xx do C đứng tên đăng ký lên khu vực D để nhận thuốc nổ. Khi đến đoạn đường ngang ở khu vực D, C đã thấy C1 có mặt tại đó cùng 02 bao thuốc nổ (01 bao để ở ba ga trước xe, 01 bao để ở yên sau xe). Vì chân của C còn đau sau tai nạn giao thông nên C đã đề nghị C1 chờ luôn 02 bao thuốc nổ xuống nhà cho C, khi đến nơi C sẽ đưa tiền, C1 đồng ý. C chạy xe đi trước dẫn đường, C1 chở 02 bao thuốc nổ theo sau đến nhà của Trương Thành Đ2 (em ruột của C, đã chết năm 2009) tại Thôn T, xã B, huyện B (ngôi nhà này hiện tại bà Vương Thị Đ - mẹ ruột của Trương Văn C quản lý) để cất giấu. Khi đến nơi (khoảng 21 giờ), C mở cửa để C1 chở 02 bao thuốc nổ chạy thẳng vào nhà, sau đó C1 đưa 02 bao thuốc nổ xuống xe. Tại đây, C đưa cho C1 10.600.000đ, lấy tiền xong C1 ra về. Số thuốc nổ này C sử dụng cân của gia đình C (loại cân đồng hồ lò xo, CDH 100, hiệu Nhơn Hòa) cân lại có tổng khối lượng là 100kg (mỗi bao 50kg).

- **Lần thứ hai:** Cách lần thứ nhất khoảng 02 ngày lúc đó khoảng 17 giờ, C1 dùng số điện thoại khác với số điện thoại trước đó (C không nhớ số) gọi vào số điện thoại của C nói “Em ở nhà đó, tối nay khoảng 19 giờ 30 phút anh sẽ chở thuốc nổ vào cho em”. Lúc này, C đồng ý và nói “Cứ chờ tới ngôi nhà thuộc địa điểm cũ, em sẽ nhận và giao tiền”. Tối hôm đó, C1 chở 02 bao thuốc nổ chạy xuống nhà của Trương Thành Đ2 giao cho C. Khi đến nơi (khoảng 19 giờ 30), C mở cửa để C1 chạy xe thẳng vào nhà và đưa 02 bao thuốc nổ xuống. C1 nói với C là lần này chở cho C 100kg thuốc nổ. Tại đây, C đưa cho C1 10.600.000đ, lấy tiền xong C1 ra về. Số thuốc nổ này C cân lại có tổng khối lượng là 100kg (mỗi bao 50kg).

- **Lần thứ ba:** Cách lần thứ hai khoảng 03 ngày lúc đó khoảng 17 giờ, C1 dùng số điện thoại khác với những lần trước (C không nhớ số) gọi vào số điện thoại của C nói là “Tối nay em ở nhà đó khoảng 19 giờ 30 phút, anh sẽ chở thuốc nổ vào cho em”. C đồng ý và nói “Cứ chờ đến ngôi nhà ở địa điểm cũ, em sẽ nhận và giao tiền”. Tối hôm đó, C1 chở 02 bao thuốc nổ chạy xuống nhà của Trương Thành Đ2. Khi đến nơi (khoảng 19 giờ 30 phút), C mở cửa để C1 chạy xe thẳng vào nhà và đưa 02 bao thuốc nổ xuống. C1 nói với C là lần này chỉ có 80kg thuốc nổ, không đủ 100kg, lần sau C1 sẽ bù lại số thuốc nổ còn thiếu cho C. Tại đây C đưa cho C1 10.600.000đ và C1 ra về. Số thuốc nổ này C cân lại có tổng khối lượng là 80kg (mỗi bao 40kg).

- **Lần thứ tư:** Cách lần thứ ba khoảng 02 ngày lúc đó khoảng 17 giờ, C1 dùng số điện thoại khác với những lần trước (C không nhớ số) gọi vào số điện

thoại của C nói là “Tối nay em ở nhà khoảng 19 giờ 30 phút, anh sẽ chở thuốc nổ vào cho em”. C đồng ý và nói “Cứ chờ tới ngôi nhà thuộc địa điểm cũ”. Tối hôm đó, C1 chở 02 bao thuốc nổ chạy xuống nhà của Trương Thành Đ2. Khi đến nơi (khoảng 19 giờ 30 phút), C mở cửa nhà của Đ2 để C1 chạy xe thẳng vào nhà và đưa 02 bao thuốc nổ xuống. C1 nói với C lần này chở cho C 100kg. C đưa cho C1 10.600.000đ và C1 ra về. Sau đó, C cân lại 02 bao thuốc nổ có tổng khối lượng là 100kg (mỗi bao 50kg).

- **Lần thứ năm:** Cách lần thứ tư khoảng 01 ngày lúc đó khoảng 17 giờ, C1 dùng số điện thoại khác với những lần trước (C không nhớ số) gọi vào số điện thoại của C nói là “Tối nay em ở nhà khoảng 19 giờ 30 phút, anh sẽ chở thuốc nổ vào cho em”. C đồng ý và nói “Cứ chờ tới ngôi nhà thuộc địa điểm cũ”. Tối hôm đó, C1 chở 02 bao thuốc nổ chạy xuống nhà của Trương Thành Đ2. Khi đến nơi (khoảng 19 giờ 30 phút), C mở cửa nhà của Đ2 để C1 chạy xe thẳng vào nhà và đưa 02 bao thuốc nổ xuống. C1 nói với C lần này chở cho C 100kg. C đưa cho C1 10.600.000 đồng và C1 ra về. Số thuốc nổ này C cân lại có tổng khối lượng là 100kg (mỗi bao 50kg).

- **Lần thứ sáu:** Cách lần thứ năm khoảng 02 ngày lúc đó khoảng 17 giờ, C1 dùng số điện thoại khác với những lần trước (C không nhớ số) gọi vào số điện thoại của C nói là “Tối nay em ở nhà đó khoảng 19 giờ 30 phút, anh sẽ chở thuốc nổ vào cho em”. Lúc này, C đồng ý và nói “Cứ chờ đến ngôi nhà ở địa điểm cũ”. Tối hôm đó, C1 chở 02 bao thuốc nổ chạy xuống nhà của Trương Thành Đ2. Khi đến nơi (khoảng 19 giờ 30 phút), C mở cửa nhà của Đ2 để C1 chạy xe thẳng vào nhà và đưa 02 bao thuốc nổ xuống. C1 nói với C là lần này chở cho C 60kg, không đủ 100kg, lần sau C1 sẽ bù lại số thuốc nổ còn thiếu. Sau đó, C đưa cho C1 10.600.000đ và C1 ra về. Số thuốc nổ này C cân lại có tổng khối lượng là 60kg (mỗi bao 30kg).

- **Lần thứ bảy:** Cách lần thứ sáu khoảng 02 ngày lúc đó khoảng 17 giờ, C1 dùng số điện thoại khác lần trước (C không nhớ số) gọi vào số điện thoại của C nói là “Tối nay em ở nhà khoảng 19 giờ 30 phút, anh sẽ chở thuốc nổ vào cho em”. Lúc này, C đồng ý và nói “Cứ chờ tới ngôi nhà thuộc địa điểm cũ”. Tối hôm đó, C1 chở 02 bao vật liệu nổ chạy xuống nhà của Trương Thành Đ2 cho C. Khi đến nơi (khoảng 19 giờ 30 phút), C mở cửa nhà của Đ2 để C1 chạy xe thẳng vào nhà để đưa 02 bao vật liệu nổ (01 bao thuốc nổ và 01 bao bên trong có chứa kíp nổ, dây cháy chậm) xuống và C1 nói với C “Anh chở thêm kíp nổ và dây cháy chậm. Em hỏi người nào mua giá bao nhiêu thì bán cho họ”, C đồng ý. Vì C đã hết tiền nên chỉ đưa cho C1 500.000đ và nói lần sau C sẽ trả đủ tiền cho C1, sau đó C1 ra về.

Khi thấy số vật liệu nổ đã mua được quá nhiều nên C đã tìm vỏ bao (tìm các bao cũ có sẵn trong nhà) phân chia thuốc nổ ra thành 24 bao nhỏ thuận lợi cho việc cất giấu. Sau đó, C vác 05 bao thuốc nổ (tổng khối lượng là 120kg) và 01 hộp trong đó có 100 kíp nổ qua nhà của bà Vương Thị Đ để cất giấu, trong đó, 04 bao thuốc nổ C cất giấu tại phòng ngủ (nơi để quần áo), 01 bao thuốc nổ và 100 kíp nổ C cất giấu tại nhà vệ sinh (*nhà vệ sinh này hiện tại không còn sử dụng*

nữ). Số vật liệu nổ còn lại (19 bao thuốc nổ, 1050 kíp nổ, 100,5m dây cháy chậm) C cất giấu tại nhà của Trương Thành Đ2.

Theo bị cáo Nguyễn Thị Kim L khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 25/4/2019, khi nghe một người phụ nữ nói “*chồng chị bị bắt do chở thuốc nổ*” (do người phụ nữ này bị khẩu trang nên L không biết người đó là ai) ngay lúc đó L qua nhà của bà Vương Thị Đ để tìm thử có thuốc nổ hay không để đem tẩu tán, khi L tìm dưới bếp không thấy, tiếp tục vào phòng ngủ (nơi để quần áo) của bà Đ thì thấy có 01 bao tải màu vàng để trong phòng, thấy vậy L kéo ra chỗ cửa phòng và mở ra xem thì thấy bên trong có đựng thuốc nổ dạng cục (vì lúc trước L có một lần bị bắt về hành vi vận C trái phép vật liệu nổ nên L biết các cục bên trong bao tải màu vàng là thuốc nổ). Sau đó, L vác đi tẩu tán, ngay lúc đó thì bị lực lượng Biên phòng bắt quả tang.

* Vật chứng tạm giữ:

- 627,5kg (Sáu trăm hai mươi bảy phẩy năm kilogam) thuốc nổ.

Theo Kết luận giám định số 458/KLGD-PC09, ngày 29/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: 627,5 kg chất rắn, dạng cục được đựng trong 24 bao là thuốc nổ, loại thuốc nổ TNT (Trinitrotoluen) và thuốc nổ hỗn hợp Composition D (TNT+RDX (Hexogen) + bột nhôm, đây là loại thuốc nổ mạnh thường dùng trong lĩnh vực quân sự và Công nghiệp, hiện còn sử dụng được.

- 1150 (một nghìn một trăm năm mươi) kíp nổ và 100,5m (một trăm phẩy năm mét) dây cháy chậm.

Theo Kết luận giám định số 459/KLGD - PC09, ngày 04/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

+ 1150 ống kim loại màu trắng là kíp nổ; Loại kíp nổ đốt số 8 vỏ nhôm, có tác dụng kích nổ thuốc nổ và còn sử dụng được.

+ 100,5m dây màu xám đen là dây cháy chậm; Có tác dụng dẫn lửa gây nổ kíp nổ đốt và còn sử dụng được.

- 01 (một) điện thoại di động màu tím than nhãn hiệu Masstel của Trương Văn C đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong).

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu NOZA - GRANDE có biển kiểm soát xxCx - xxxxx do Trương Thị Thanh N đứng tên chủ sở hữu (Đã trả lại cho Trương Thị Thanh N theo Quyết định xử lý vật chứng số 31/ANĐT ngày 08/7/2019 của Cơ quan ANĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi).

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu “HONLEI” (dán tem Dream) màu nâu, biển kiểm soát xxBx - xxx.xx, có số khung G012AV001739, có số máy xxxxxxxxxxxxxx do Trương Văn C đứng tên chủ sở hữu.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số zzzzzz, biển số đăng ký xxBx - xxx.xx. Tên chủ xe Trương Văn C.

- 01 (một) cân đồng hồ lò xo, CDH 100, hiệu Nhơn Hòa của Trương Văn C.

Tại bản Cáo trạng số 1063/CT-VKS ngày 26/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Trương Văn C về tội “*Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” theo khoản 4 Điều 305 Bộ luật hình sự và bị cáo

Nguyễn Thị Kim L về tội “*Vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

* Về phần hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn C từ 18 năm đến 19 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L từ 03 năm đến 04 năm tù.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 620 kg (Sáu trăm hai mươi kilogam) thuốc nổ hoàn lại sau giám định; 1.148 (một nghìn một trăm bốn mươi tám) kíp nổ đốt số 8 và 100m (một trăm mét) dây cháy chậm hoàn lại sau giám định. Căn cứ Nghị định số 70/NĐ-CP ngày 02/7/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ. Giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xử lý theo thẩm quyền.

- 01 (một) điện thoại di động màu tím than nhãn hiệu Masstel của Trương Văn C đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 xe mô tô nhãn hiệu “HONLEI” (dán tem Dream) màu nâu, biển kiểm soát xxBx - xxx.xx, có số khung G012AV001739, có số máy xxxxxxxxxxxx do Trương Văn C đứng tên chủ sở hữu; 01 (một) cân đồng hồ lò xo, CDH 100, hiệu Nhơn Hòa của Trương Văn C. Đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số zzzzzz, biển số đăng ký xxBx - xxx.xx, tên chủ xe Trương Văn C. Đề nghị tuyên tịch thu, tiêu hủy.

* *Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn C phát biểu:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Trương Văn C về tội “*Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 305 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo C đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có cha đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; hoàn cảnh gia đình rất khó khăn phải nuôi con gái đang đi học đại học, nuôi dưỡng mẹ già. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo C 15 năm tù.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Trương Văn C: Bị cáo biết việc làm của bị cáo là sai trái, bị cáo rất hối hận mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị Kim L: Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là phù hợp với quy định của Luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn C, Nguyễn Thị Kim L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào cuối năm 2018, Trương Văn C quen biết 01 người tên C1 ngồi gần C khi đi xe buýt từ xã B, huyện B đến thành phố Quảng Ngãi. Biết C làm nghề biển thì C1 có hỏi C “*Đi biển có lấy thuốc nổ không*” thì C trả lời “*Để từ từ, coi có ai mua thì tôi lấy*” nên C1 xin số điện thoại của C để liên lạc. Sau đó, C1 có gọi điện cho C vài lần để hỏi mua thuốc nổ không thì C trả lời không mua vì đang bị đau chân. Đến khoảng đầu tháng 4/2019, C1 tiếp tục liên lạc lại với C thì C đồng ý mua và thống nhất giá 106.000 đồng/kg. Trong tháng 4/2019, C đã mua của C1 7 lần thuốc nổ với tổng cộng 627,5kg thuốc nổ, 1150 kíp nổ và 100,5 dây cháy chậm. Do mua quá nhiều thuốc nổ nên C đã phân chia thuốc nổ ra thành 24 bao nhỏ để thuận tiện vận C, cất giấu. C cất giấu 04 bao thuốc nổ (tổng khối lượng là 120 kg) và 01 hộp trong đó có 100 kíp nổ tại nhà bà Vương Thị Đ mẹ đẻ của C; số vật liệu nổ còn lại (19 bao thuốc nổ, 1.050 kíp nổ, 100,5m dây cháy chậm) C cất giấu tại nhà của Trương Thành Đ2 là em ruột của C, anh Đ2 đã chết còn vợ anh Đ2 bỏ đi nên hiện nay không có ai sinh sống tại nhà anh Đ2. Ngày 25/4/2019, C đã lấy 50kg thuốc nổ từ nhà anh Đ2 và sử dụng xe mô tô hiệu NOZA GRANDE, biển kiểm soát xxCx- xxxxx chở đi kiếm người để bán thì bị phát hiện bắt quả tang. Đồng thời, Đoàn Biên Phòng đã ra Lệnh Khám xét khẩn cấp nhà của bà Vương Thị Đ. Khi lực lượng khám xét đến nhà của bà Đ thì phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Thị Kim L là vợ của Trương Văn C đang vận chuyển trái phép 25kg thuốc nổ từ nhà bà Đ để đem đi cất giấu; Nguyễn Thị Kim L chỉ thừa nhận vác 01 bao thuốc nổ (25kg) đi tẩu tán, còn những bao thuốc nổ khác trong nhà bà Đ thì L không biết. Qua khám xét khẩn cấp tại nhà của bà Vương Thị Đ và anh Trương Thành Đ2 (đã chết) phát hiện thu giữ 552,5 kg thuốc nổ, 1150 kíp nổ và 100,5m dây cháy chậm.

Theo Kết luận giám định số 458/KLGD-PC09, ngày 29/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - C1 an ninh Quảng Ngãi kết luận: 627,5 kg chất rắn, dạng cục

được đựng trong 24 bao là thuốc nổ, loại thuốc nổ TNT (Trinitrotoluen) và thuốc nổ hỗn hợp Composition D (TNT+RDX (Hexogen) + bột nhôm, đây là loại thuốc nổ mạnh thường dùng trong lĩnh vực quân sự và C1 nghiệp, hiện còn sử dụng được. Theo Kết luận giám định số 459/KLGD - PC09, ngày 04/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - C1 an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: 1.150 ống kim loại màu trắng là kíp nổ; loại kíp nổ đốt số 8 vỏ nhôm, có tác dụng kích nổ thuốc nổ và còn sử dụng được; 100,5m dây màu xám đen là dây cháy chậm, có tác dụng dẫn lửa gây nổ kíp nổ đốt và còn sử dụng được.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Trương Văn C về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 305 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Kim L về tội “*Vận C trái phép vật liệu nổ*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Trương Văn C, Nguyễn Thị Kim L:

- Đối với bị cáo Trương Văn C: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức được hành vi tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo đã tàng trữ 627,5 kg thuốc nổ, 1150 kíp nổ và 100,5m dây cháy chậm và vận chuyển 50 kg thuốc đi kiểm người tiêu thụ thì bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến chế độ, công tác quản lý của Nhà nước đối với vật liệu nổ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần tuyên phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc để răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim L: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức được hành vi vận chuyển trái phép vật liệu nổ là vi phạm pháp luật; vì về nhân thân: Ngày 14/7/1999, bị Đoàn Biên phòng 284 ra Quyết định xử phạt hành chính về việc vi phạm kinh doanh các loại phế liệu có lẫn vật liệu nổ số lượng nhỏ; Ngày 10/01/2003 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi kết án 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”; bị cáo đã chấp hành án xong và được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo là xâm phạm nghiêm trọng đến chế độ, công tác quản lý của Nhà nước đối với vật liệu nổ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trương Văn C, Nguyễn Thị Kim L: Không có.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Trương Văn C: Bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; có cha đẻ là ông Trương N là người có công với cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim L: Bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo.

[7] Đối với người đàn ông tên C1: Là đối tượng đã bán cho Trương Văn C 627,5kg thuốc nổ, 1.150 kíp nổ và 100,5m dây cháy chậm. Theo mô tả của Trương Văn C thì người đàn ông có tên là C1 khoảng 55 tuổi, dáng người thấp, quê ở huyện Q, tỉnh Q và đi xe máy hiệu gì thì C không nhớ (do gặp ban đêm và C không để ý). Do lời khai của Trương Văn C thiếu thông tin, không có địa chỉ cụ thể, mặc dù Cơ quan An ninh điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra xác minh, nhưng không xác định được lai lịch của người đàn ông này. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với người đàn ông tên C1 là có căn cứ.

[8] Đối với bà Vương Thị Đ: Bà Đ khai không biết nguồn gốc số vật liệu nổ Trương Văn C mua và để tại nhà bà vì mất mớ, tai điếc. Đồng thời, Trương Văn C khai trong quá trình cất giấu vật liệu nổ C không nói cho bà Đ biết nên Cơ quan An ninh điều tra không đủ căn cứ để xác định Vương Thị Đ đồng phạm với Trương Văn C trong việc tàng trữ trái phép vật liệu nổ là có căn cứ.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị định số 70/NĐ-CP ngày 02/7/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ; tuyên:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu NOZA - GRANDE có biển kiểm soát xxCx - xxxxxx do Trương Thị Thanh N đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo Trương Văn C sử dụng xe mô tô này của N để vận C 50 kg thuốc nổ đi tiêu thụ thì bị bắt quả tang. Tuy nhiên, qua quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm N khai nhận đây là xe mô tô của N sử dụng làm phương tiện để đi học nhưng tại thời điểm ngày 25/4/2019 N để xe mô tô nhãn hiệu NOZA - GRANDE có biển kiểm soát xxCx - xxxxxx ở nhà để nhờ cha để là Trương Văn C đi bảo hành, sửa chữa và N không biết việc cha để mình tàng trữ thuốc nổ và sử dụng xe mô tô của mình để vận C thuốc nổ; lời khai của Trương Thị Thanh N phù hợp với lời khai của bị cáo Trương Văn C. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu NOZA - GRANDE có biển kiểm soát xxCx - xxxxxx cho Trương Thị Thanh N theo Quyết định xử lý vật chứng số 31/ANĐT ngày 08/7/2019 của Cơ quan ANĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xử lý theo thẩm quyền: 620 kg (Sáu trăm hai mươi kilogam) thuốc nổ hoàn lại sau giám định; 1.148 (một nghìn một trăm bốn mươi tám) kíp nổ đốt số 8 và 100m (một trăm mét) dây cháy chậm hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu tím than nhãn hiệu Masstel của Trương Văn C đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 xe mô tô nhãn hiệu “HONLEI” (dán tem Dream) màu nâu, biển kiểm soát xxBx - xxx.xx, có số khung G012AV001739, có số máy

xxxxxxxxxxxxx do Trương Văn C đứng tên chủ sở hữu; 01 (một) cân đồng hồ lò xo, CĐH 100, hiệu Nhơn Hòa của Trương Văn C.

- Đối với 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số zzzzzz, biển số đăng ký xxBx - xxx.xx, tên chủ xe Trương Văn C là chứng cứ của vụ án nên lưu tại hồ sơ vụ án.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Luận cứ bào chữa của Luật sư được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[12] Về án phí: Bị cáo Trương Văn C và bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn C phạm tội “*Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ*”; bị cáo Nguyễn Thị Kim L phạm tội “*Vận chuyển trái phép vật liệu nổ*”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn C 18 (mười tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/4/2019.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 305; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim L 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/4/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị định số 70/NĐ-CP ngày 02/7/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ; tuyên:

- Giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ngãi xử lý theo thẩm quyền đối với 620 kg (Sáu trăm hai mươi kilogam) thuốc nổ, 1.148 (một nghìn một trăm bốn mươi tám) kíp nổ đốt số 8 và 100m (một trăm mét) dây cháy chậm hoàn lại sau giám định.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/5/2019 và ngày 09/5/2019 giữa Đại đội kho vũ khí-đạn/Bộ CHQS tỉnh Quảng Ngãi và Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi).

- Tịch thu sung C1 quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu tím than nhãn hiệu Masstel của Trương Văn C đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 xe mô tô nhãn hiệu “HONLEI” (dán tem Dream) màu nâu, biển kiểm soát xxBx - xxx.xx, có số khung G012AV001739, có số máy xxxxxxxxxxxx

do Trương Văn C đứng tên chủ sở hữu; 01 (một) cân đồng hồ lò xo, CDH 100, hiệu Nhon Hòa của Trương Văn C.

- Đối với 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số xxxxxxx, biển số đăng ký xxBx - xxx.xx, tên chủ xe Trương Văn C là chứng cứ của vụ án nên lưu tại hồ sơ vụ án.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/10/2019 giữa Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi và Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi).

3. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Văn C và bị cáo Nguyễn Thịn Kim L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Kháng cáo:

Án sơ thẩm xử công khai, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Năm

